

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN PHÚ NHUẬN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **477/2020/KDTM-ST**.

Ngày : 06/8/2020.

V/v: “*tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

: Bà Mai Thị Thu Dung

Các Hội thẩm nhân dân

: 1. Bà Lê Thị Thanh Dung

2. Bà Lê Thị Hải

- Thư ký phiên tòa

: Bà Hoàng Thị Huế - là thư ký

Tòa án của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận tham gia phiên tòa:

Ông Lê Viễn Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 893/2019/TLST-KDTM ngày 10 tháng 12 năm 2019 về việc *tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2020/QĐXXST-KDTM ngày 10 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại S.

Trụ sở: 396 UVK, Phường X, quận B, TP.HCM

Đại diện: ông Huỳnh Ngọc P

sinh năm: 1977

Giấy ủy quyền ngày 18/12/2019 (*có mặt*).

Bị đơn: Công ty TNHH Một thành viên Vật liệu Xây dựng G

(tên cũ: Công ty TNHH Một thành viên Vật liệu Xây dựng C)

Trụ sở: 185 HL, Phường 2, quận N, TP.HCM.

Địa chỉ Văn phòng giao dịch: Tầng 9 lầu 9 khu Cao ốc Văn phòng Y, số 205A đường L, Phường K, quận B, TP HCM.

Đại diện: Ông Nguyễn Hoàng T, sinh năm: 1960 - Giám đốc Công ty.

(*có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/9/2019 và các lời khai trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại S (*có ông Huỳnh Ngọc P đại diện theo ủy quyền*) trình bày:

Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại S (gọi tắt Công ty S) và Công ty TNHH Một thành viên Vật liệu Xây dựng C (gọi tắt Công ty C), nay đổi tên thành Công ty TNHH Một thành viên Vật liệu Xây dựng G (gọi tắt là Công ty G) đã ký kết hợp đồng kinh tế số 259/SMC-2018 ngày 02/01/2018 về việc thỏa thuận mua bán thép.

Thực hiện hợp đồng, Công ty S đã tiến hành giao hàng đúng tiêu chuẩn, quy cách, số lượng, địa điểm giao hàng và thời gian giao hàng theo đúng yêu cầu của bên mua hàng là Công ty C, chi tiết tiền hàng được thể hiện trong từng hóa đơn giá trị gia tăng.

Tính đến ngày 10/9/2019, tổng số tiền nợ gốc mà bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn là **5.317.073.055 đồng** (năm tỷ ba trăm mười bảy triệu không trăm bảy mươi ba ngàn không trăm năm mươi lăm) đồng.

Căn cứ theo điều khoản thanh toán của hợp đồng quy định:

- Khoản 3.2 Điều 3: “*Thời hạn thanh toán: Bên B thanh toán cho Bên A trong vòng 30 ngày hoặc 45 ngày hoặc tiền mặt. Được xác nhận theo từng đơn hàng cụ thể*”.
- Khoản 3.3 Điều 3: “*Trong trường hợp Bên B thanh toán chậm so với thời hạn đã quy định theo từng đơn hàng cụ thể thì Bên B có trách nhiệm thanh toán lãi quá hạn cho số tiền chậm thanh toán với mức 1.2%/tháng. Thời điểm bắt đầu tính lãi phạt quá hạn kể từ ngày đến hạn thanh toán nhưng việc thanh toán trễ không vượt quá 07 (bảy) ngày*”.

Tiền lãi tạm tính đến ngày 10/9/2019 là **724.791.376** (bảy trăm hai mươi bốn triệu bảy trăm chín mươi một ngàn ba trăm bảy mươi sáu) đồng.

Tổng tiền nợ gốc và lãi thể hiện trong đơn khởi kiện là **6.041.864.461** (sáu tỷ không trăm bốn mươi một triệu tám trăm sáu mươi bốn ngàn bốn trăm sáu mươi một) đồng.

Đến ngày hòa giải lần 2 (ngày 10/7/2020), tổng số nợ bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn là **6.788.139.875** (sáu tỷ bảy trăm tám mươi tám triệu một trăm ba mươi chín ngàn tám trăm bảy mươi lăm) đồng, trong đó:

- Nợ gốc: 4.967.073.055 (bốn tỷ chín trăm sáu mươi bảy triệu không trăm bảy mươi ba ngàn không trăm năm mươi lăm) đồng.
- Nợ lãi: 1.821.066.820 (một tỷ tám trăm hai mươi một triệu không trăm sáu mươi sáu ngàn tám trăm hai mươi) đồng.

Và tiền lãi phát sinh từ ngày 11/7/2020 cho đến khi trả hết nợ gốc theo mức lãi suất 1.2%/tháng.

- Bị đơn Công ty TNHH Một thành viên Vật liệu Xây dựng S (tên cũ trước đây là Công ty TNHH Một thành viên Vật liệu Xây dựng C) có ông Nguyễn Hoàn H đại diện trình bày:

Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng G (Tên cũ: Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng C) xác nhận có ký kết với Công ty S hợp đồng số 259/SMC-2018 ngày 02/01/2018 với nội dung đúng như nguyên đơn trình bày ở trên.

Bị đơn xác nhận số tiền nợ gốc bị đơn còn nợ nguyên đơn tính đến 10/7/2020 là 4.967.073.055 (*bốn tỷ chín trăm sáu mươi bảy triệu không trăm bảy mươi ba ngàn không trăm năm mươi lăm*) đồng.

Trong thời gian 2 năm trở lại đây, phía bị đơn gặp nhiều khó khăn khi các Dự án do bị đơn thi công đều bị vướng thủ tục hồ sơ nghiệm thu thanh toán nên việc thu hồi công nợ khách hàng khó khăn. Điều này dẫn tới việc thanh toán công nợ cho nguyên đơn bị chậm trễ so với thỏa thuận mà hai bên ký kết trong hợp đồng.

Bị đơn xác nhận việc thanh toán chậm trễ gây ra nhiều thiệt hại cho nguyên đơn, nhưng thật sự bị đơn đã cố gắng hết sức có thể để tìm nguồn tài chính thanh toán cho nguyên đơn.

Bị đơn đề nghị được thanh toán hết toàn bộ số tiền nợ gốc cho nguyên đơn chậm nhất đến ngày 31/7/2021.

Về tiền lãi chậm trả mà nguyên đơn yêu cầu, do bị đơn đang khó khăn về tài chính, việc thu hồi công nợ cũ đang không thuận lợi, hơn nữa vì tình hình dịch bệnh chung của xã hội nên đề nghị nguyên đơn miễn toàn bộ phần tính lãi.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

+ Yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc tính đến ngày 05/8/2020 là 4.567.073.055 (*Bốn tỷ năm trăm sáu mươi bảy triệu không trăm bảy mươi ba ngàn, không trăm năm mươi lăm*) đồng.

+ Yêu cầu bị đơn phải thanh toán khoản tiền lãi phát sinh tính đến ngày 05/8/2020 theo mức lãi suất 1.2%/tháng là 1.769.240.707 (*một tỷ bảy trăm sáu mươi chín triệu hai trăm bốn mươi ngàn bảy trăm lẻ bảy*) đồng.

Tổng số tiền yêu cầu bị đơn phải thanh toán **6.336.313.762** (*Sáu tỷ ba trăm ba mươi sáu triệu ba trăm mười ba ngàn bảy trăm sáu mươi hai*) đồng.

Tiền lãi phát sinh được tiếp tục tính từ ngày 06/8/2020 cho đến khi bị đơn trả hết nợ gốc theo mức lãi suất 1.2%/tháng.

Thời hạn thanh toán: Chậm nhất đến ngày 31/12/2020, bị đơn phải thanh toán hết toàn bộ số nợ gốc và lãi phát sinh.

- Đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:

+ Về nợ gốc: Bị đơn xác nhận, từ khi nguyên đơn nộp đơn khởi kiện tại Tòa án cho đến trước ngày Tòa án mở phiên tòa xét xử thì bị đơn đã có thiện chí và trả được

cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 2.221.066.820 (hai tỷ hai trăm hai mươi một triệu không trăm sáu mươi sáu ngàn tám trăm hai mươi) đồng.

Bị đơn xác nhận hiện nay còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc tính đến ngày 05/8/2020 là 4.567.073.055 (Bốn tỷ năm trăm sáu mươi bảy triệu không trăm bảy mươi ba ngàn, không trăm năm mươi lăm) đồng.

+ Về nợ lãi: Bị đơn xác định về cách tính lãi, mức lãi suất và thời gian tính lãi mà nguyên đơn trình bày là đúng theo thỏa thuận trong hợp đồng mà hai bên đã ký kết. Tuy nhiên, số tiền lãi thực tế mà nguyên đơn tính đến ngày 05/8/2020 là 1.769.240.707 (một tỷ bảy trăm sáu mươi chín triệu hai trăm bốn mươi ngàn bảy trăm lẻ bảy) đồng thì bị đơn chưa kiểm tra lại có chính xác không.

Về thời hạn thanh toán: Bị đơn đề nghị thanh toán toàn bộ số nợ gốc cho nguyên đơn chậm nhất đến ngày 31/12/2020.

Về tiền lãi: Đề nghị nguyên đơn miễn toàn bộ số tiền lãi cho bị đơn do hiện nay bị đơn đang khó khăn về tài chính, chưa thu hồi được công nợ từ các khách hàng của bị đơn. Trong trường hợp nguyên đơn không miễn toàn bộ lãi thì tại phiên tòa hôm nay, đề nghị nguyên đơn rút phần yêu cầu tính lãi, để sau khi bị đơn trả hết nợ gốc thì hai bên đối chiếu lại số lãi rồi hai bên giải quyết sau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Tòa án giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; Thẩm phán đã tiến hành thu thập chứng cứ đầy đủ, xác định đúng thành phần tham gia tố tụng. Tuy nhiên, thời hạn giải quyết vụ án đã quá thời hạn xét xử theo luật định.

Các đương sự trong vụ án đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ do các đương sự cung cấp có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Giữa nguyên đơn và bị đơn có giao dịch việc mua bán hàng hóa thể hiện qua hợp đồng kinh tế và các hóa đơn GTGT. Tại các văn bản xác nhận số liệu công nợ, bị đơn xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc chưa thanh toán phù hợp với số nợ gốc mà nguyên đơn thể hiện trong các văn bản xác nhận số liệu công nợ. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận.

Về yêu cầu tính tiền lãi là phù hợp theo hợp đồng hai bên ký kết.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Đây là vụ án tranh chấp về kinh doanh thương mại (*Hợp đồng mua bán hàng hóa*,) giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận. Bị đơn có trụ sở tại quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định của pháp luật.

[1.2]. Khi nguyên đơn nộp đơn khởi kiện thì bị đơn là Công ty TNHH Một thành viên Vật liệu Xây dựng C. Tuy nhiên, trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án thì Công ty TNHH Một thành viên Vật liệu Xây dựng C đã thay đổi tên gọi theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09/01/2020. Do vậy, Tòa án xác định lại bị đơn theo tên gọi mới là Công ty TNHH Một thành viên Vật liệu Xây dựng G.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc tính đến ngày 05/8/2020 là 4.567.073.055 (*Bốn tỷ năm trăm sáu mươi bảy triệu không trăm bảy mươi ba ngàn không trăm năm mươi lăm*) đồng, phát sinh từ hợp đồng mua bán hàng hóa được thể hiện ở các hóa đơn giá trị gia tăng, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Hội đồng xét xử xét thấy, số tiền nợ gốc này đã được bị đơn thừa nhận thể hiện trong các văn bản xác nhận số liệu công nợ (ngày 4/5/2020 và ngày 09/7/2020).

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn cũng xác nhận số nợ gốc còn lại chưa trả cho nguyên đơn tính đến ngày 05/8/2020 là 4.567.073.055 (*Bốn tỷ năm trăm sáu mươi bảy triệu không trăm bảy mươi ba ngàn không trăm năm mươi lăm*) đồng. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc này là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền lãi tính đến ngày 05/8/2020 là 1.769.240.707 (*một tỷ bảy trăm sáu mươi chín triệu hai trăm bốn mươi ngàn bảy trăm lẻ bảy*) đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ theo điều khoản thanh toán của hợp đồng quy định:

- Khoản 3.2 Điều 3: “*Thời hạn thanh toán: Bên B thanh toán cho Bên A trong vòng 30 ngày hoặc 45 ngày hoặc tiền mặt. Được xác nhận theo từng đơn hàng cụ thể*”.

- Khoản 3.3 Điều 3: “Trong trường hợp Bên B thanh toán chậm so với thời hạn đã quy định theo từng đơn hàng cụ thể thì Bên B có trách nhiệm thanh toán lãi quá hạn cho số tiền chậm thanh toán với mức 1.2%/tháng. Thời điểm bắt đầu tính lãi phạt quá hạn kể từ ngày đến hạn thanh toán nhưng việc thanh toán trễ không vượt quá 07 (bảy) ngày”.

Như vậy căn cứ theo khoản 3.3 Điều 3 của Hợp đồng kinh tế quy định thì bị đơn phải trả thêm phần lãi quá hạn theo lãi suất mà hai bên thỏa thuận là 1.2%/tháng tính đến ngày 05/8/2020 là 1.769.240.707 (một tỷ bảy trăm sáu mươi chín triệu hai trăm bốn mươi ngàn bảy trăm lẻ bảy) đồng. Tiền lãi của từng hóa đơn mua hàng được thể hiện như sau:

Hóa đơn	Ngày giao	Hạn trả & Ngày trả	Phải trả (ĐVT: Đồng)	Đã thu (ĐVT: Đồng)	Còn lại (ĐVT: Đồng)	Ngày quá hạn	Lãi quá hạn (ĐVT: Đồng)
0003192	16/03/2018	30/04/2018	71,066,820		71,066,820		
		16/05/2018		71,066,820	-	16	454,828
0003643	03/04/2018	18/05/2018	512,035,150		512,035,150		-
		18/07/2018		150,000,000	362,035,150	61	3,660,000
		19/10/2018		200,000,000	162,035,150	154	12,320,000
		30/11/2018		162,035,150	-	196	12,703,556
0003780	06/04/2018	21/05/2018	410,338,610		410,338,610		-
		30/11/2018		337,964,850	72,373,760	193	26,090,886
		30/01/2019		72,373,760	-	254	7,353,174
0004009	12/04/2018	27/05/2018	534,931,650		534,931,650		-
		30/01/2019		77,626,240	457,305,410	248	7,700,523
		05/03/2019		300,000,000	157,305,410	282	33,840,000
		30/05/2019		50,000,000	107,305,410	368	7,360,000
		11/07/2019		50,000,000	57,305,410	410	8,200,000
		10/10/2019		50,000,000	7,305,410	501	10,020,000
		17/01/2020		7,305,410	-	600	1,753,298
0003880	12/04/2018	27/05/2018	562,185,140		562,185,140		-
		17/01/2020		92,694,590	469,490,550	600	22,246,702

		18/06/2020		200,000,000	269,490,550	753	60,240,000
		17/07/2020		200,000,000	69,490,550	782	62,560,000
		31/07/2020		69,490,550	-	796	22,125,791
0004050	13/04/2018	28/05/2018	532,902,480		532,902,480		-
		31/07/2020		130,509,450	402,393,030	795	41,502,005
					402,393,030	800	128,765,770
0004164	17/04/2018	01/06/2018	722,192,790		1,124,585,820	796	229,946,184
0004335	21/04/2018	05/06/2018	512,626,510		1,637,212,330	792	162,400,078
0004415	24/04/2018	08/06/2018	515,487,390		2,152,699,720	789	162,687,820
0004530	27/04/2018	11/06/2018	735,261,010		2,887,960,730	786	231,166,062
0004822	09/05/2018	23/06/2018	187,662,365		3,075,623,095	774	58,100,268
0004823	09/05/2018	23/06/2018	514,109,200		3,589,732,295	774	159,168,208
0005058	16/05/2018	30/06/2018	481,908,790		4,071,641,085	767	147,849,617
0005757	31/05/2018	15/07/2018	495,431,970		4,567,073,055	752	149,025,937
		05/08/2020				0	
TỔNG CỘNG			6,788,139,875	2,221,066,820	4,567,073,055		1,769,240,707

Về thời hạn trả: Nguyên đơn đồng ý cho bị đơn thời hạn trả nợ gốc, nợ lãi và lãi phát sinh chậm nhất đến ngày 31/12/2020 là đã kéo dài thời hạn trả nợ cho bị đơn, điều này có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3]. Ý kiến của bị đơn đề nghị miễn toàn bộ tiền lãi phát sinh do bị đơn khó khăn về tài chính.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc bị đơn vi phạm thời hạn thanh toán trong một thời gian dài đã gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, hơn nữa nguyên đơn không đồng ý miễn toàn bộ tiền lãi phát sinh nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bị đơn trình bày.

Ý kiến của bị đơn đề nghị nguyên đơn rút phần yêu cầu tính lãi, để sau khi bị đơn trả hết nợ gốc thì hai bên đối chiếu lại số lãi rồi hai bên giải quyết sau. Ý kiến này không được nguyên đơn đồng ý và chấp nhận nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét đề nghị của bị đơn.

[3]. Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận về việc đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có cơ sở.

[4]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền nợ gốc và tiền lãi quá hạn tính đến ngày 05/8/2020 là **6.336.313.762** (Sáu tỷ ba trăm ba mươi sáu triệu ba trăm mười ba ngàn bảy trăm sáu mươi hai) đồng.

Ngoài ra, bị đơn còn phải chịu tiền lãi phát sinh tính từ ngày 06/8/2020 trở đi cho đến khi thực trả hết nợ gốc theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận là 1.2%/tháng.

[5]. Về án phí:

Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trên toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận (6.336.313.762 đồng) là 114.336.314 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí nên được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào các Điều 24; 34; 35; 42; 50 và 306 của Luật thương mại;
- Căn cứ Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;
- Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015;
- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Căn cứ vào khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.
- Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại S.

- Buộc Công ty TNHH Một thành viên Vật liệu Xây dựng G phải trả cho Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại S số tiền nợ gốc và tiền lãi quá hạn tính đến ngày 05/8/2020 là **6.336.313.762** (Sáu tỷ ba trăm ba mươi sáu triệu, ba trăm mười ba ngàn bảy trăm sáu mươi hai) đồng, trong đó:

+ Nợ gốc : 4.567.073.055 đồng.

+ Nợ lãi : 1.769.240.707 đồng.

Tiền lãi phát sinh được tiếp tục tính từ ngày 06/8/2020 trở đi cho đến khi Công ty TNHH Một thành viên Vật liệu Xây dựng G trả hết nợ gốc theo mức lãi suất 1.2%/tháng.

Thời hạn thanh toán: chậm nhất đến ngày 31/12/2020.

2. Việc thi hành án được thực hiện tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về án phí:

- Công ty TNHH Một thành viên Vật liệu Xây dựng G phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 114.336.314 (*một trăm mười bốn triệu ba trăm ba mươi sáu ngàn ba trăm mười bốn*) đồng.

- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại S được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 57.021.000 (*năm mươi bảy triệu không trăm hai mươi một ngàn*) đồng theo biên lai thu tiền số 0042451 ngày 09/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh

4. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP HCM;
- VKSND Q.PN;
- Chi cục THADS Q.PN;
- Đường sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Thu Dung

